

Số: /458 /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương
giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 06/8/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 530/TTr-TCKH ngày 09/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025: 37.514 triệu đồng, trong đó:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 26.166 triệu đồng.
2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 11.348 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Phòng Kinh tế, Văn phòng HĐND-UBND thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trình UBND thành phố phê duyệt.

2. Căn cứ Kế hoạch vốn được giao: UBND các xã Sùng Phài, San Thàng; Ban quản lý dự án thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

3. Giao UBND các xã Sùng Phài, xã San Thàng: Thực hiện các giải pháp huy động các nguồn lực khác tại địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế; Giám đốc Ban Quản lý dự án; Chủ tịch UBND các xã: Sùng Phài, San Thàng và

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Lai Châu;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Nghiệp

BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

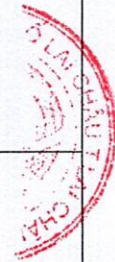
(Kèm theo Quyết định số 1458 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố)

| STT | Danh mục | Địa điểm | Quy mô | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | KHV giai đoạn 2021-2025 | | Ghi chú |
|-----|---|-------------|--------|-----------------|-----------------|-------------------------|-------------------|---------|
| | | | | | | Tổng số | Vốn đầu tư (NSTW) | |
| | TỔNG CỘNG | | | | 40.276 | 37.514 | 37.514 | |
| A | Nguồn NSTW thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số | | | | 28.562 | 26.166 | 26.166 | |
| I | Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt | | | | 3.215 | 3.215 | 3.215 | |
| a | <i>Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở</i> | X.Sùng Phài | | 2022-2025 | 280 | 280 | 280 | |
| b | <i>Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung</i> | X.Sùng Phài | | | 2.935 | 2.935 | 2.935 | |
| 1 | Nâng cấp NSH đến các hộ bản Tả Chải, Trung Chải | X.Sùng Phài | 101 hộ | 2022-2024 | 2.935 | 2.935 | 2.935 | |
| II | Dự án 2: Quy hoạch sắp xếp bố trí ổn định dân cư | | | | 10.500 | 8.118 | 8.118 | |



| STT | Danh mục | Địa điểm | Quy mô | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | KHV giai đoạn 2021-2025 | | Ghi chú |
|------------|--|-------------|---|-----------------|-----------------|-------------------------|-------------------|---------|
| | | | | | | Tổng số | Vốn đầu tư (NSTW) | |
| 1 | Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chai, xã Sùng Phài, TP Lai Châu | X.Sùng Phài | 35 hộ | 2022-2024 | 10.500 | 8.118 | 8.118 | |
| III | Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc | | | | 5.503 | 5.503 | 5.503 | |
| 1 | Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tà Chai | X.Sùng Phài | Đường GTNT C: chiều dài L=1km, rãnh thoát nước L=200m | 2022-2025 | 1.500 | 1.500 | 1.500 | |
| 2 | Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu | X.Sùng Phài | Đường GTNT C: chiều dài L=0,5km, rãnh thoát nước L=150m | 2022-2025 | 863 | 863 | 863 | |
| 3 | Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Sin Chai | X.Sùng Phài | Đường GTNT C: chiều dài L=1,8km, rãnh thoát nước L=500m | 2022-2023 | 3.140 | 3.140 | 3.140 | |

| STT | Danh mục | Địa điểm | Quy mô | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | KHV giai đoạn 2021-2025 | | Ghi chú |
|-----|---|--------------|----------------|-----------------|-----------------|-------------------------|-------------------|---------|
| | | | | | | Tổng số | Vốn đầu tư (NSTW) | |
| IV | Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch | | | | 9.344 | 9.330 | 9.330 | |
| a | Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số | | | | 8.190 | 8.190 | 8.190 | |
| 1 | Dân tộc giấy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu) | X. San Thàng | | 2022-2025 | 8.190 | 8.190 | 8.190 | |
| b | Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trung thiết bị tại các thôn (gồm 04 nhà văn hóa tại các bản: Trung Chải, Suối Thầu, Tả Chải, Hối Lùng xã Sùng Phài) | | 04 nhà văn hóa | 2022-2024 | 1.154 | 1.140 | 1.140 | |
| 1 | Nhà văn hóa bản Trung Chải | X. Sùng Phài | 1 | 2022 | 300 | 300 | 300 | |
| 2 | Nhà văn hóa bản Suối Thầu | X. Sùng Phài | 1 | 2022 | 280 | 280 | 280 | |
| 3 | Nhà văn hóa bản Tả Chải | X. Sùng Phài | 1 | 2022 | 280 | 280 | 280 | |
| 4 | Nhà văn hóa bản Hối Lùng | X. Sùng Phài | 1 | 2022 | 294 | 280 | 280 | |
| B | Nguồn NSTW thực hiện CT MTQG xây dựng NTM | | | | 11.714 | 11.348 | 11.348 | |



| STT | Danh mục | Địa điểm | Quy mô | Thời gian KC-HT | Tổng mức đầu tư | KHV giai đoạn 2021-2025 | | Ghi chú |
|----------|--|--------------|--|-----------------|-----------------|-------------------------|-------------------|---------|
| | | | | | | Tổng số | Vốn đầu tư (NSTW) | |
| <i>a</i> | <i>Xã Sùng Phái</i> | | | | <i>8.543</i> | <i>8.328</i> | <i>8.328</i> | |
| 1 | Đường giao thông nội đồng bản Cư Nhà La, xã Sùng Phái | X. Sùng Phái | Đường GTNT C: chiều dài L=1,2km | 2022-2023 | 1.890 | 1.800 | 1.800 | |
| 2 | Đường giao thông nội đồng bản Căn Cầu, xã Sùng Phái | X. Sùng Phái | Đường GTNT C: chiều dài L=0,8km | 2022-2025 | 1.280 | 1.280 | 1.280 | |
| 3 | Đường giao thông nội đồng bản Sùng Phái, xã Sùng Phái | X. Sùng Phái | Đường GTNT C: chiều dài L=1,2km | 2022-2025 | 1.995 | 1.900 | 1.900 | |
| 4 | Đường giao thông nội đồng bản Sin Chải, xã Sùng Phái | X. Sùng Phái | Đường GTNT C: chiều dài L=1,2km | 2022-2025 | 2.748 | 2.748 | 2.748 | |
| 5 | Đường giao thông nội đồng bản Lùng Thàng, xã Sùng Phái | X. Sùng Phái | Đường GTNT C: chiều dài L=0,5km | 2022-2025 | 630 | 600 | 600 | |
| <i>b</i> | <i>Xã San Thàng</i> | | | | <i>3.171</i> | <i>3.020</i> | <i>3.020</i> | |
| 6 | Đường giao thông nội đồng bản Càng Dắng, xã San Thàng | X. San Thàng | Đường GTNT C: chiều dài L=1,6km | 2022-2023 | 2.310 | 2.200 | 2.200 | |
| 7 | Nâng cấp đường bản Lò Suối Túng, xã San Thàng | X. San Thàng | Đường GTNT C: chiều dài L=0,5km, rãnh thoát nước | 2022-2025 | 861 | 820 | 820 | |